

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ THỌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38 /2021/HS-ST

Ngày 22 tháng 7 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ, TỈNH PHÚ THỌ**

- T *phần H đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà

Các H thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Hải

Ông Trần Anh T

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đặng Trần Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Phan Tường Linh - Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

Ngày 22 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2021/TLST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Nguyễn Ngọc T** - Tên gọi khác: Không; - Giới tính: Nam; - Sinh ngày: 05/8/1983 tại thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ; - Nơi cư trú: khu 4, xã T, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 01/12 Nghề nghiệp: Lao động tự do. Đoàn thể: không; Bố đẻ: Nguyễn Ngọc T (đã chết); Mẹ đẻ: Lê Thị T; sinh năm 1960; Nghề nghiệp: Làm ruộng, hiện trú tại khu 4, xã T, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ; Anh chị em ruột: có 04 người bị cáo là thứ nhất; Vợ: Hà Thị Kim A, sinh năm: 1984; Nghề nghiệp: Công nhân; Con: có 01 con sinh năm 2001; Hiện vợ, con đều trú tại khu 4, xã T, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ; Tiền sự: Không; Tiền án: 02 tiền án.+ Tại bản án hình sự sơ thẩm số 53 ngày 16/9/2015; Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ xử phạt T 18 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ra trại ngày 15/01/2017, nộp xong các khoản án phí tháng 11/2015; + Tại bản án hình sự sơ thẩm số 63 ngày 28/12/2017, Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ xử phạt T 42 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Ra trại ngày 03/9/2020, nộp xong án phí tháng 3/2018. Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 29 ngày 30/6/2010, Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ xử phạt T 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Đã chấp hành xong hình phạt tù và án phí. Bị cáo bị bắt tạm giam

tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ từ ngày 13/4/2021(Có mặt tại phiên tòa)

Bị hại: Anh Hà Quang H, sinh năm 1976

Địa chỉ: Khu 8, xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Chu Anh T , sinh năm 1982

Địa chỉ: Khu Phú An, phường Phong Châu, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.
(vắng mặt)

2. Chị Hà Thị Kim A , sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu 4, xã T, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ(vắng mặt)

3. Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Khu 8, xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 18/12/2020, bị cáo T đến thuê phòng nghỉ tại Nhà nghỉ Thanh B thuộc khu 8, xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ do anh Hà Quang H, sinh năm 1976 làm chủ. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, do cần tiền chi tiêu cá nhân, bị cáo nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh H. T xuống quầy lễ T hỏi vay tiền và mượn xe máy của anh H để đi đến nhà mẹ vợ của bị cáo ở xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, hẹn 30 phút sẽ quay về trả xe và tiền. Vì tin tưởng nên anh H đồng ý cho T vay 200.000 đồng và mượn chiếc xe mô tô BKS 19N1 - 0157, nhãn hiệu HONDA; số máy HC09E6665667; số khung 09017Y846145. Khi anh H giao xe cho T thì trong cốp xe có sẵn giấy đăng ký xe mô tô BKS 19N1 - 0157; giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Hà Quang H; giấy phép lái xe hạng A1 mang tên chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1976 là vợ anh H. Sau khi vay được tiền, mượn được xe, bị cáo điều khiển xe đến cửa hàng mua bán xe máy cũ của anh Ngô Minh C, sinh năm 1978 ở khu Phú Liêm, phường Hùng Vương, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Tại đây, bị cáo đặt vấn đề bán lại chiếc xe mô tô BKS 19N1 - 0157 cho anh C nhưng anh C không mua nên bị cáo nhờ anh C gọi người khác nếu được giá thì bán. Anh C đồng ý gọi điện cho anh Chu Anh T, sinh năm 1982 trú tại khu Phú An, phường Phong Châu, thị xã Phú Thọ đến xem xe. Khi gặp nhau, T nói với anh T đây là xe của vợ chồng T mua lại của người khác, nay không còn nhu cầu sử dụng nên bán. Sau khi xem xe, hai bên thống nhất giá bán chiếc xe trên là 4.000.000 đồng, việc mua bán chỉ trao đổi bằng lời nói. Bị cáo giao xe mô tô BKS 19N1 - 0157 kèm giấy đăng ký xe cho anh T, còn 02 giấy phép lái xe của vợ chồng anh H thì bị cáo giữ lại, mang về nhà cất dưới chiếu trải trên giường ngủ của vợ chồng bị cáo rồi bỏ trốn lên T phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai sống lang thang. Đến ngày

21/02/2021, bị cáo bị Chủ tịch UBND phường Lào Cai quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc vì đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Không thấy bị cáo quay lại trả xe và tiền, anh H có đơn tố giác đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phú Thọ đề nghị điều tra, làm rõ và xử lý theo quy định pháp luật.

Ngày 21/12/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phú Thọ đã ra thông báo truy tìm phương tiện và thu giữ được chiếc xe mô tô BKS 19N1 - 0157 cùng với giấy đăng ký xe tại cửa hàng mua bán xe máy cũ của anh Chu Anh T có địa chỉ ở khu 1, xã T, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Phục vụ công tác điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phú Thọ đã trưng cầu H đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Phú Thọ định giá chiếc xe mô tô BKS 19N1 - 0157. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 02/2021/KL - ĐGTS ngày 20/01/2021 của H đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã Phú Thọ kết luận: Giá trị của chiếc xe mô tô BKS 19N1 - 0157 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 4.900.000 đồng (*Bốn triệu chín trăm nghìn đồng*).

Đến ngày 01/4/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phú Thọ phát hiện bị cáo T đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy T phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phú Thọ, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền và xe của anh Hà Quang H như đã nêu trên.

Căn cứ vào tài liệu thu thập được, ngày 09/4/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phú Thọ đã Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can và Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Ngọc T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1, Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, kết quả điều tra xác định: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 53 ngày 16/9/2015, Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ xử phạt T 18 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; giá trị tài sản chiếm đoạt là 5.250.000 đồng; ra trại ngày 15/01/2017, chưa được xóa án tích thì đến ngày 03/8/2017; T tiếp tục thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy; Tại bản án hình sự sơ thẩm số 63 ngày 28/12/2017, Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ xác định T thuộc trường hợp tái phạm và xử phạt T 42 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, ra trại ngày 03/9/2020, chưa được xóa án tích. Như vậy, lần phạm tội này của T thuộc trường hợp đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý và được xác định là tái phạm nguy hiểm. Vì vậy, hành vi của Nguyễn Ngọc T đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Đối với anh Ngô Minh C là người giới thiệu anh Chu Anh T mua chiếc xe mô tô BKS 19N1- 0157 của bị cáo ; Tuy nhiên, cả anh C và anh T đều không biết tài sản do T phạm tội mà có. Vì vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phú Thọ không đề cập xử lý.

Về vật chứng, tài sản, đồ vật tạm giữ gồm: Xe mô tô BKS 19N1 - 0157 và giấy đăng ký xe mang tên anh Hà Quang H; Giấy phép lái xe của H và chị B. Kết quả điều tra xác định đều là tài sản, đồ vật của anh H, chị B nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phú Thọ đã trả lại cho anh H, chị B theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: anh Hà Quang H đã nhận lại xe mô tô BKS 19N1 - 0157 cùng các giấy tờ liên quan, anh H không yêu cầu T phải bồi thường bất kỳ khoản tiền nào kể cả số tiền 200.000 đồng, anh H cho T vay. Anh Chu Anh T cũng không yêu cầu T phải trả lại số tiền 4.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 35/CT-VKSTXPT ngày 08/6/2021, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị H đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T từ 30(ba mươi) đến 33 (ba mươi ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 13/4/2021.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

Xe mô tô BKS 19N1 - 0157 và giấy đăng ký xe mang tên anh Hà Quang H; Giấy phép lái xe của anh H và chị B. Kết quả điều tra xác định đều là tài sản, đồ vật của anh H, chị B nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phú Thọ đã trả lại cho anh H, chị B.

Về trách nhiệm dân sự: anh H đã nhận lại xe mô tô BKS 19N1 - 0157 cùng các giấy tờ liên quan, anh H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường bất kỳ khoản tiền nào kể cả số tiền 200.000 đồng, anh H cho bị cáo vay. Anh Chu Anh T cũng không yêu cầu T phải trả lại số tiền 4.000.000 đồng nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi đúng như Cáo trạng đã truy tố, bị cáo không tranh luận gì. Bị cáo nói lời sau cùng: Mong H đồng xét xử, xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất để bị sớm trở về với gia đình và xã H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, H đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thị xã Phú Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình

tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định và phù hợp với pháp luật.

[2] Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như sau: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 18/12/2020, tại Nhà nghỉ Thanh B thuộc khu 8, xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ; bị cáo T đã dùng thủ đoạn gian dối mượn xe mô tô BKS 19N - 0157 trị giá 4.900.000 đồng của anh Hà Quang H, sau đó chiếm đoạt chiếc xe và mang bán cho người khác lấy 4.000.000 đồng chi tiêu cá nhân hết. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phú Thọ đã thu được chiếc xe mô tô trả cho bị hại. Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ căn cứ pháp lý kết luận bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 điều 174 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ truy tố bị cáo về tội danh cũng như điều khoản trên là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Khoản 2, Điều 174 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

.....

d) Tái phạm nguy hiểm”

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã H, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của cá nhân được Nhà nước bảo vệ. Do vậy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt thật nghiêm minh để bị cáo nhận thức được tính chất nghiêm trọng và hậu quả do hành vi của bị cáo đã gây ra, đồng thời có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa C. Tuy nhiên trước khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau: Bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần đã bị Tòa án xét xử. Trước lần phạm tội này bị cáo đã có 2 tiền án về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội: “ Mua bán trái phép chất ma túy” chưa được xóa án tích nay lại phạm tội mới, lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm nguy hiểm. Đây được xác định là tình tiết

đình khung hình phạt nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều T khẩn khai báo ăn năn hối cải, nên H đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã H một thời gian là cần thiết, mới đủ điều kiện để giáo dục bị cáo rèn luyện, cải tạo được tội lỗi mà bị cáo đã phạm. Đối với bị cáo chỉ cần áp dụng hình phạt như Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ đề nghị là phù hợp. Mức án đó cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở T người tốt, có ích cho xã H.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 điều 174 Bộ luật hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm...”. Xét thấy, bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, không có tài sản gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Anh H đã nhận lại xe mô tô BKS 19N1 - 0157 cùng các giấy tờ liên quan, anh H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường bất kỳ khoản tiền nào kể cả số tiền 200.000 đồng, anh H cho bị cáo vay. Anh T cũng không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 4.000.000 đồng nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6]. Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô BKS 19N1 - 0157 và giấy đăng ký xe mang tên anh Hà Quang H; Giấy phép lái xe của anh H và chị B. Kết quả điều tra xác định đều là tài sản, đồ vật của anh H, chị B nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phú Thọ đã trả lại cho anh H, chị B chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp cần xác nhận trong bản án.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề xuất về hình phạt đối với bị cáo, H đồng xét xử thấy có căn cứ phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc H về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 13/4/2021.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại là anh Hà Quang H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Chu Anh T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng:

Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra công an Thị xã Phú Thọ đã trả cho anh H và chị B chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon da BKS 19N1 - 0157 và 01 giấy đăng ký xe mang tên anh Hà Quang H; Giấy phép lái xe của anh H và chị B.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo được quyền kháng cáo; bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
THẨM

- VKSND tỉnh PT;

TÒA

- VKSND thị xã Phú Thọ;
- Công an thị xã Phú Thọ;
- Cơ quan THAHS
- Chi cục THADS thị xã Phú Thọ;
- Sở Tư pháp tỉnh PT;
- UBND xã T, thị xã Phú Thọ.
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS+VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

(Đã ký)

Trần Thị Ngọc Hà

